

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 5 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc đặt tên các tuyến đường**  
**trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Khóa XI - Kỳ họp thứ 11 về việc đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 508/TTr-SVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành Quyết định đặt tên các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn và thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đặt tên 43 tuyến đường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện phổ biến, tuyên truyền việc đặt tên đường và làm rõ ý nghĩa sự kiện lịch sử, giá trị di tích, danh lam thắng cảnh, công trạng của danh nhân được chọn để đặt tên đường, để mọi người được biết.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi có trách nhiệm thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Khóa XI - Kỳ họp thứ 11 có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**Q. CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Thích**

**PHỤ LỤC**  
**ĐẶT TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN**  
**THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Quyết định số: 18/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

1. Đường: **Lý Thánh Tông** - tuyến ký hiệu 01; phường Quảng Phú.
  - Điểm đầu: Đường Nguyễn Chí Thanh.
  - Điểm cuối: Đường số 4 (*ký hiệu đường chưa được đặt tên*).
  - Chiều dài: 1.441m.
  - Mặt cắt ngang: 25m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (5,0 - 15,0 - 5,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
2. Đường: **Nguyễn Trường Tộ** - tuyến ký hiệu 02; phường Quảng Phú.
  - Điểm đầu: Đường Lý Thánh Tông.
  - Điểm cuối: Đường số 6 (*ký hiệu đường chưa được đặt tên*).
  - Chiều dài: 663m.
  - Mặt cắt ngang: 15,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 7,5 - 4,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
3. Đường: **Đặng Văn Ngữ** - tuyến ký hiệu 03; phường Nghĩa Lộ.
  - Điểm đầu: Đường Lê Hữu Trác.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Đình Chiểu.
  - Chiều dài: 423m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
4. Đường: **Xuân Diệu** - tuyến ký hiệu 04; phường Nghĩa Lộ.
  - Điểm đầu: Đường Trần Tế Xương.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn Đình Chiểu.
  - Chiều dài: 239m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

5. Đường: **Hồ Đắc Di** - tuyến ký hiệu 05; phường Nghĩa Lộ.

- Điểm đầu: Đường Lê Hữu Trác.

- Điểm cuối: Đường Trần Tế Xương.

- Chiều dài: 180m.

- Mặt cắt ngang: 16,5m.

- Via hè - lòng đường - via hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

6. Đường: **Lý Đạo Thành** - tuyến ký hiệu 06; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường An Dương Vương.

- Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.

- Chiều dài: 440m.

- Mặt cắt ngang: 12,0m.

- Via hè - lòng đường - via hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).

- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

7. Đường: **Thành Thái** - tuyến ký hiệu 07; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Chu Văn An.

- Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.

- Chiều dài: 764m.

- Đường có 2 mặt cắt:

\* Đoạn 1 từ đường Chu Văn An đến đường Trương Định:

+ Chiều dài: 300m.

+ Mặt cắt ngang: 7,5m.

+ Via hè - lòng đường - via hè: (1,5 - 4,5 - 1,5).

+ Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

\* Đoạn 2 từ đường Trương Định đến đường Trần Cao Vân:

+ Chiều dài: 464m.

+ Mặt cắt ngang: 12,0m.

+ Via hè - lòng đường - via hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đoạn từ đường Trương Định - đường Tô Hữu) và láng nhựa (đoạn từ đường Tô Hữu - đường Trần Cao Vân).

8. Đường: **Nguyễn Tấn Kỳ** - tuyến ký hiệu 08; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Khuyến.
- Điểm cuối: Đường Trần Cao Vân.
- Chiều dài: 594m.
- Đường có 2 mặt cắt:

\* Đoạn 1 từ đường Nguyễn Khuyến đến đường Trương Định.

+ Chiều dài: 130m.

+ Mặt cắt ngang: 7,5m.

+ Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 4,5 - 1,5).

+ Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

\* Đoạn 2 từ đường Trương Định đến đường Trần Cao Vân.

+ Chiều dài: 464m.

+ Mặt cắt ngang: 12,0m.

+ Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa (đoạn từ đường Trương Định - đường Tố Hữu) và láng nhựa (đoạn từ đường Tố Hữu - đường Trần Cao Vân).

9. Đường: **Huyền Trân Công Chúa** - tuyến ký hiệu 9; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Tự Tân.

- Điểm cuối: Đường Huyền Trân Công Chúa.

- Chiều dài: 365m.

- Mặt cắt ngang: 8,5m.

- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).

- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa (đoạn từ đường Nguyễn Tự Tân - đường đất) và cấp phối (đoạn từ đường đất - đường Huyền Trân Công Chúa).

10. Đường: **Trần Thái Tông** - tuyến ký hiệu 10; phường Trần Phú.

- Điểm đầu: Đường Tô Hiến Thành.

- Điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản.

- Chiều dài: 608m.

- Mặt cắt ngang: 8,5m.

- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,5 - 7,5 - 0,5).

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

11. Đường: **Đoàn Khắc Nhượng** - tuyến ký hiệu 11; phường Lê Hồng Phong.

- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.

- Điểm cuối: Khu dân cư.

- Chiều dài: 160m.
- Mặt cắt ngang: 14,0m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,0 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa (đoạn từ đường Đoàn Khắc Cung - đường Trần Công Hiến) và Bê tông xi măng (đoạn từ đường Trần Công Hiến - Khu dân cư).

12. Đường: **Phạm Hàm** - tuyến ký hiệu 12; phường Lê Hồng Phong.

- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
- Điểm cuối: Khu dân cư.
- Chiều dài: 133m.
- Mặt cắt ngang: 12,0m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,0 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

13. Đường: **Trịnh Công Sơn** - tuyến ký hiệu 13; phường Lê Hồng Phong.

- Điểm đầu: Đường Đoàn Khắc Cung.
- Điểm cuối: Khu dân cư.
- Chiều dài: 176m.
- Mặt cắt ngang: 14,0m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,0 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

14. Đường: **Cẩm Thành** - tuyến ký hiệu 14; phường Lê Hồng Phong.

- Điểm đầu: Phía Đông Phạm Văn Đồng.
- Điểm cuối: Phía Tây Phạm Văn Đồng.
- Chiều dài: 1.864m.
- Mặt cắt ngang: 6,5 ÷ 10,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 ÷ 2,5 - 3,5 ÷ 5,5 - 1,5 ÷ 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

15. Đường: **Trương Đăng Trinh** - tuyến ký hiệu 15; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
- Điểm cuối: Đường Trương Vĩnh Ký.
- Chiều dài: 228m.
- Mặt cắt ngang: 12,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
16. Đường: **Trương Vĩnh Ký** - tuyến ký hiệu 16; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
  - Điểm cuối: Đường Phan Đình Phùng.
  - Chiều dài: 357m.
  - Mặt cắt ngang: 16,5m.
  - Via hè - lòng đường - vỉa hè: (4,5 - 7,5 - 4,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
17. Đường: **Thái Thú** - tuyến ký hiệu 17; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Phan Văn Trị.
  - Điểm cuối: Đường Phan Đình Phùng.
  - Chiều dài: 131m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
18. Đường: **Phan Văn Trị** - tuyến ký hiệu 18; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trương Vĩnh Ký.
  - Điểm cuối: Đường Trường Chinh.
  - Chiều dài: 228m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
19. Đường: **Nguyễn Thái Học** - tuyến ký hiệu 19; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
  - Điểm cuối: Đường Trường Chinh.
  - Chiều dài: 471m.
  - Mặt cắt ngang: 32,0m.
  - Vỉa hè - lòng đường - vỉa hè: (4,25 - 23,5 - 4,25).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
20. Đường: **Phạm Tuấn** - tuyến ký hiệu 20; phường Chánh Lộ.
- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
  - Điểm cuối: Đường Trương Đăng Trình.

- Chiều dài: 324m.
  - Mặt cắt ngang: 12,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
21. Đường: **Võ Hàn** - tuyến ký hiệu 21; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Thái Học.
- Chiều dài: 160m.
- Mặt cắt ngang: 12,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

22. Đường: **Mai Xuân Thưởng** - tuyến ký hiệu 22; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Võ Hàn.
- Điểm cuối: Đường Xuân Thủy.
- Chiều dài: 285m.
- Mặt cắt ngang: 12,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

23. Đường: **Xuân Thủy** - tuyến ký hiệu 23; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Trần Quang Khải.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Thái Học.
- Chiều dài: 137m.
- Mặt cắt ngang: 12,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,5 - 7,5 - 2,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

24. Đường: **Đường Ngọc Cảnh** - tuyến ký hiệu 24; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
- Điểm cuối: Đường Lý Chính Thắng.
- Chiều dài: 278m.
- Mặt cắt ngang: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.



25. Đường: **Vân Đông** - tuyến ký hiệu 25; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Đường Ngọc Cảnh.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Trung Trực.
- Chiều dài: 119m.
- Mặt cắt ngang: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

26. Đường: **Nguyễn Trung Trực** - tuyến ký hiệu 26; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Đinh Duy Tự.
- Điểm cuối: Đường Đường Ngọc Cảnh.
- Chiều dài: 323m.
- Mặt cắt ngang: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

27. Đường: **Lý Chính Thắng** - tuyến ký hiệu 27; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
- Điểm cuối: Đường Trần Quang Khải.
- Chiều dài: 356m.
- Mặt cắt ngang: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

28. Đường: **Phạm Đường** - tuyến ký hiệu 28; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Lý Chính Thắng.
- Điểm cuối: Đường Võ Thị Đệ.
- Chiều dài: 147m.
- Mặt cắt ngang: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

29. Đường: **Nguyễn Văn Trỗi** - tuyến ký hiệu 29; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Huỳnh Thúc Kháng.
- Điểm cuối: Đường Võ Thị Đệ.
- Chiều dài: 426m.

- Đường có 2 mặt cắt:
  - \* Đoạn 1 từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Mạc Đăng Dung:
    - + Chiều dài: 135m.
    - + Mặt cắt ngang: 24,0m.
    - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 18,0 - 3,0).
  - \* Đoạn 2 từ đường Mạc Đăng Dung đến đường Võ Thị Đề:
    - + Chiều dài: 291m.
    - + Mặt cắt ngang: 11,5m.
    - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

30. Đường: **Mạc Đăng Dung** - tuyến ký hiệu 30; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Tri Phương.
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
- Chiều dài: 144m.
- Mặt cắt ngang: 13,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 7,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

31. Đường: **Đinh Duy Tự** - tuyến ký hiệu 31; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường Mạc Đăng Dung.
- Điểm cuối: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
- Chiều dài: 167m.
- Mặt cắt ngang: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

32. Đường: **Trần Quý Cáp** - tuyến ký hiệu 32; phường Chánh Lộ.

- Điểm đầu: Đường 11m chưa thi công (đường chưa đặt tên).
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Trỗi.
- Chiều dài: 150m.
- Mặt cắt đường: 11,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

33. Đường: **Đinh Triều** - tuyến ký hiệu 33; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Năng Lự.
- Điểm cuối: Đường Quang Trung.
- Chiều dài: 330m.
- Đường có 3 mặt cắt:
  - \* Đoạn 1 từ đường Nguyễn Năng Lự đến Ngã 3:
    - + Chiều dài: 30m.
    - + Mặt cắt ngang: 8,5m.
    - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).
    - + Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
  - \* Đoạn 2 từ Ngã 3 đến Ngã 4:
    - + Chiều dài: 200m.
    - + Mặt cắt ngang: 5,0m.
    - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 5,0 - 0,0).
    - + Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.
  - \* Đoạn 3 từ Ngã 4 đến đường Quang Trung:
    - + Chiều dài: 100m.
    - + Mặt cắt ngang: 7,0m.
    - + Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,0 - 0,0).
    - + Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

34. Đường: **Kim Đồng** - tuyến ký hiệu 34; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Khu dân cư.
- Điểm cuối: Đường Vạn Tường.
- Chiều dài: 290m.
- Mặt cắt ngang: 8,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (1,5 - 5,5 - 1,5).
- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.

35. Đường: **Chu Huy Mân** - tuyến ký hiệu 35; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường 11m (đường mới chưa đặt tên).
- Điểm cuối: Đường Nguyễn Du.
- Chiều dài: 264m.
- Mặt cắt ngang: 9,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,0 - 5,5 - 2,0).

- Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
36. Đường: **Trần Nam Trung** - tuyến ký hiệu 36; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Chu Huy Mân.
  - Điểm cuối: Đường Trương Quang Giao.
  - Chiều dài: 142m.
  - Mặt cắt ngang: 11,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,0 - 5,5 - 3,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
37. Đường: **Trương Quang Đản** - tuyến ký hiệu 37; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Chu Huy Mân.
  - Điểm cuối: Đường Trần Thị Hiệp.
  - Chiều dài: 209m.
  - Mặt cắt ngang: 9,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (2,0 - 5,5 - 2,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
38. Đường: **Trần Thủ Độ** - tuyến ký hiệu 38; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Khánh Dư.
  - Điểm cuối: Đường Gom chưa thi công.
  - Chiều dài: 658m.
  - Mặt cắt ngang: 18,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 10,5 - 4,0).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
39. Đường: **Lý Chiêu Hoàng** - tuyến ký hiệu 39; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Thủ Độ.
  - Điểm cuối: Đường Nguyễn An.
  - Chiều dài: 235m.
  - Mặt cắt ngang: 14,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,5 - 3,5).
  - Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.
40. Đường: **Nguyễn Hữu Cảnh** - tuyến ký hiệu 40; phường Nghĩa Chánh.
- Điểm đầu: Đường Trần Thủ Độ.

- Điểm cuối: Đường Trần Khánh Dư.
- Chiều dài: 632m.
- Mặt cắt ngang: 18,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (4,0 - 10,5 - 4,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

41. Đường: **Nguyễn An** - tuyến ký hiệu 41; phường Nghĩa Chánh.

- Điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Cảnh.
- Điểm cuối: Đường Gôm chưa thi công.
- Chiều dài: 284m.
- Mặt cắt ngang: 14,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (3,5 - 7,5 - 3,5).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

42. Đường: **Trần Anh Tông** - tuyến ký hiệu 42; Xã Nghĩa Đông và Nghĩa Dũng.

- Điểm đầu: Giáp địa giới hành chính xã Nghĩa Hà.
- Điểm cuối: Ngã tư Ba La.
- Chiều dài: 3.986m.
- Mặt cắt ngang: 7,5m.
- Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,5 - 0,0).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng.

43. Đường: **Hồ Quý Ly** - tuyến ký hiệu 43; xã Nghĩa Đông và Nghĩa Dũng.

- Điểm đầu: Hết địa phận xã Nghĩa Hà.
  - Điểm cuối: Ngã tư Ba La.
  - Chiều dài: 3.800m.
  - Mặt cắt ngang: 7,5m.
  - Vía hè - lòng đường - vỉa hè: (0,0 - 7,5 - 0,0).
  - Kết cấu mặt đường: Láng nhựa.
-